



dìng piào

订票

v. • to reserve a ticket

Example Sentence

wǒ xiǎng zài wǎng shàng dìng piào qù shàng hǎi
我想在网上订票去上海。

I want to book a ticket online to go to Shanghai.

Trace each character, then write the word on your own.

订 订 订 订 订 订 订

票	票	票	票	票	票	票	票	票	票	票
票	票	票								